

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **234/2019/HSST**

Ngày: 04/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương và bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 219/2019/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2019/QĐXXST-HS ngày 21/10/2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, tên gọi khác: Đen; sinh ngày 25/3/1989 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số nhà 8/24 Ngõ 01 Kiệt 228 đường B, phường P, thành phố Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm bánh mỳ; trình độ văn hoá: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị X, sinh năm 1992; con: có 02 con, con lớn 03 tuổi, con nhỏ 01 tuổi.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với gia đình, học hết lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, sau đó làm nghề bánh mỳ cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” .

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Trần Thị A. Địa chỉ: Tổ 9, khu vực 5, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Tôn Nữ Thị Cẩm V. Địa chỉ: 143 đường H, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Anh Hoàng Thanh T. Địa chỉ: 143 đường H, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Chị Lê Thị H. Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Viết Q. Địa chỉ: 59 đường X, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/3/2018, tại nhà chị Trần Thị A ở Tổ 9, khu vực 5, phường A, thành phố Huế, Trần Văn T lập hợp đồng thuê của chị A 01 xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius, biển số 75G1-225.47 với giá 80.000 đồng/ngày để đi lại. T giao cho chị A giấy chứng minh nhân dân của mình. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đưa xe đến 143 đường H, phường V, thành phố Huế gặp chị Tôn Nữ Thị Cẩm V để cầm cố. T nói xe của mình nhưng giấy tờ người nhà giữ. Tin tưởng nguồn gốc xe, chị V cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng. T viết 01 giấy mượn tiền đề ngày 25/3/2018 đồng thời giao cho chị V 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân của mình. Số tiền đó T sử dụng hết.

Ngày 14/4/2018, Trần Văn T đến gặp chị Trần Thị A để gia hạn thuê xe. Do trước đó T trả tiền thuê xe đầy đủ nên chị A tin tưởng, huỷ giấy hợp đồng thuê xe cũ và lập lại giấy hợp đồng thuê xe mới đề ngày 14/4/2018 với thời hạn 10 ngày. Hai ngày sau, T đến gặp và đưa cho chị A giấy phép lái xe của mình xin đổi lại giấy chứng minh nhân dân và được chị A đồng ý. Quá thời hạn thuê xe nhưng T không trả xe, chị A liên lạc thì T thừa nhận đã đưa xe mô tô đi cầm cố và xin chị A cho thêm 3 ngày để chuộc xe về trả. Tuy nhiên, sau đó T không thực hiện lời hứa, nên ngày 07/6/2018, chị A viết đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Ty.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn Yamaha hiệu Sirius, biển số 75G1-225.47, số máy: 5C6K263397, số khung C6K0GY263392;

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 25/3/2018 tên người mượn là Trần Văn T;

- 01 bản sao chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T;

- 01 hợp đồng cho thuê xe máy, đề ngày 14/4/2018, đứng tên người thuê xe là Trần Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 212/KL- HĐĐG ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Sirius, biển số 75G1-225.47 có trị giá 13.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra công an thành phố Huế đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 75G1-225.47 cho chị Trần Thị A; trả lại giấy phép lái xe hạng A1 số AK320116 cho Trần Văn T; trả cho chị Tôn Nữ Cẩm V 5.000.000 đồng mà Trần Văn T giao nộp để trả lại số tiền cầm cố xe.

Đối với giấy mượn tiền đề ngày 25/3/2018; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T và 01 Hợp đồng cho thuê xe máy đề ngày 14/4/2018, cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Trần Văn T đã bồi thường theo yêu cầu của chị Trần Thị A số tiền 1.000.000 đồng là số tiền mà chị A đã bỏ ra sửa chữa một số hư hỏng của xe mô tô 75G1-225.47. Chị A không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Chị Tôn Nữ Thị Cẩm V khi cầm cố xe mô tô biển số 75G1-225.47 nhưng không biết rõ đó là tài sản do Trần Văn T phạm tội mà có, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đã hết thời hiệu xử phạt hành chính về hành vi “ Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”, nên Công an thành phố Huế nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 225/CT-VKS-HS ngày 11/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ tài liệu đã thu giữ theo hồ sơ vụ án để bảo đảm việc xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 25/3/2018, tại nhà chị Trần Thị A ở Tổ 9, khu vực 5, phường An Tây, thành phố Huế, Trần Văn T thuê của chị A 01 chiếc xe mô tô biển số 75G1-225.47 trị giá 13.000.000 đồng để sử dụng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem xe đi cầm cho chị Tôn Nữ Thị Cẩm V lấy số tiền 5.000.000 đồng sử dụng, tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự tin nhiệm của người khác để họ tin tưởng giao tài sản và chiếm đoạt đem đi cầm cố. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị 13.000.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi dưỡng hai con nhỏ (lớn 03 tuổi, nhỏ 01 tuổi). Nhận thấy bị cáo có thể tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa

phương cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, là phù hợp, đảm bảo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 75G1-225.47, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.000.000 đồng và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tiền cho chị Tôn Nữ Thị Cẩm V và trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với tài liệu, chứng cứ thu được là 01 giấy mượn tiền đề ngày 25/3/2018; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T và 01 Hợp đồng cho thuê xe máy đề ngày 14/4/2018, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng là chi phí sửa xe theo yêu cầu của chị Trần Thị A. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự. Tại phiên tòa không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với chị Tôn Nữ Thị Cẩm V có hành vi nhận cầm cố xe của bị cáo nhưng không biết xe này do bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Do đã hết thời hiệu xử phạt hành chính về hành vi “ Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”, nên Công an thành phố Huế nhắc nhở rút kinh nghiệm là đúng pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ giấy mượn tiền đề ngày 25/3/2018, bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, hợp đồng cho thuê xe máy đề ngày 14/4/2018 trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế